TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 34/2026/QĐST-VLĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Huỳnh Văn Lưới.

***Thư ký phiên họp*:** Bà Phạm Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 07 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 08/2026/TLST-VLĐ ngày 16 tháng 04 năm 2026 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 315/2026/QĐST-LĐ ngày 07 tháng 07 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Ấp M, xã L, tỉnh Tây Ninh, (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Công ty TNHH M

Địa chỉ: Khu công nghiệp B, T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Xuân P, sinh năm: 1973

Địa chỉ: G số D, Cư xá Đ, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

2.2. Bà Nguyễn Thị Huỳnh N1, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: Ấp M, xã L, tỉnh Tây Ninh, (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 08/01/2026, các lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, người yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh N trình bày:

Vào năm 2006, bà Nguyễn Thị Ánh N có ký Hợp đồng lao động và bắt đầu làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn M1. Trong thời gian làm việc tại Công ty M1 thì Công ty có đóng bảo hiểm xã hội cho bà với số sổ bảo hiểm xã hội là

0206362349.

Đến năm 2007, bà Nguyễn Thị Huỳnh N1 là em gái của bà Nguyễn Thị Ánh N có mượn chứng minh nhân dân bà Ánh N để đi làm giấy tờ nhưng không nói là mượn để sử dụng vào công việc cụ thể gì. Sau khi mượn được chứng minh nhân dân của bà Ánh N, bà Huỳnh N1 lấy chứng minh nhân dân đứng tên Nguyễn Thị Ánh N và sử dụng tên Nguyễn Thị Ánh N để ký kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH M (sau đây gọi tắt là Công ty M). Trong thời gian bà Nguyễn Thị Huỳnh N1 làm việc tại Công ty M với tên gọi của bà Nguyễn Thị Ánh N thì Công ty M cũng đóng bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị Ánh N với số sổ bảo hiểm xã hội là 0206362349 từ tháng 09/2007 đến tháng 02/2008, bà Nguyễn Thị Ánh N không hay biết việc bà Nguyễn Thị Huỳnh N1 sử dụng chứng minh nhân dân và tên gọi Nguyễn Thị Ánh N để làm việc tại Công ty M. Trong khi đó vào thời gian này bà Nguyễn Thị Ánh N đang làm việc tại Công ty M1 và cũng được Công ty Đ.

Nay bà phát hiện ra sổ bảo hiểm xã hội của mình bị 2 công ty đóng trùng vào thời điểm từ tháng 09/2007 đến tháng 02/2008. Tuy nhiên, thực tế từ 09/2007 – 02/2008 bà Nguyễn Thị Ánh N hoàn toàn không có làm việc tại Công ty TNHH M. Thực tế trong thời gian này bà Nguyễn Thị Ánh N đang làm việc tại Công ty TNHH M1. Trong suốt thời gian này bà Ánh N vẫn luôn thực hiện đầy đủ quy định pháp luật và hoàn toàn không biết việc Công ty TNHH M đã tự ý đóng bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị Ánh N. Bà Nguyễn Thị Ánh N đã liên hệ Công ty TNHH M để tiến hành điều chỉnh, hủy bỏ việc đóng bảo hiểm cho bà từ tháng 09/2007 đến tháng 02/2008 nhưng Công ty TNHH M không chịu thực hiện.

Công ty TNHH M tự ý đóng bảo hiểm xã hội cho bà Ánh N trong khi không thực tế làm việc tại Công ty TNHH M là vi phạm nghiêm trọng quy định pháp luật, đồng thời ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Do đó, bà Ánh N yêu cầu Toà án giải quyết yêu cầu như sau:

Tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết giữa bà Nguyễn Thị Ánh N (do bà Nguyễn Thị Huỳnh N1 thực hiện) và Công ty TNHH M là vô hiệu (có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 09/2007 đến tháng 02/2008 theo sổ bảo hiểm xã hội số 0206362349). Về giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu thì bà không yêu cầu, bà chỉ yêu cầu Tòa án sớm có phán quyết để bà có thể liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội điều chỉnh lại sổ bảo hiểm và rút tiền bảo hiểm xã hội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Huỳnh N1 trình bày:

Vào năm 2007, bà Nguyễn Thị Huỳnh N1 có mượn chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Ánh N. Sau khi mượn, bà đã sử dụng chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Ánh N và tên gọi của bà Nguyễn Thị Ánh N để ký Hợp đồng lao động với Công ty TNHH M. Việc ký kết hợp đồng lao động giữa bà thực hiện với tên gọi Nguyễn Thị Ánh N và Công ty TNHH M thì bà Nguyễn Thị Ánh N hoàn toàn không biết.

Trong thời gian bà Nguyễn Thị Huỳnh N1 làm việc với tên gọi Nguyễn Thị Ánh N tại Công ty TNHH M thì Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội cho bà với tên gọi Nguyễn Thị Ánh N với số sổ bảo hiểm là 0206362349 trong thời gian từ tháng 09/2007 đến tháng 02/2008. Đến tháng 03/2008, bà Huỳnh N1 đã nghỉ việc tại

Công ty TNHH M. Do đến nay đã quá lâu nên bà Huỳnh Như K còn giữ quyết định thôi việc tại Công ty TNHH M và cũng không còn giữ các hợp đồng lao động mà bà Huỳnh N1 đã ký kết với Công ty TNHH M.

Đối với các yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ánh N đưa ra về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Ánh N (do bà Nguyễn Thị Huỳnh N1 thực hiện) với Công ty TNHH M trong thời gian từ tháng 09/2007 đến tháng 02/2008 (có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 09/2007 đến tháng 02/2008 theo sổ bảo hiểm xã hội số 0206362349) thì bà cũng thống nhất với ý kiến của bà Ánh N vì trong thời gian này bà Ánh N hoàn toàn không làm việc trực tiếp tại Công ty TNHH M mà đang làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn M1, bà đã sử dụng tên gọi và số sổ bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị Ánh N để làm việc tại Công ty TNHH M trong thời gian từ tháng 09/2007 đến tháng 02/2008.

Hiện nay theo dữ liệu trên cơ quan bảo hiểm xã hội thì với tên gọi Nguyễn Thị Ánh N trong thời gian từ tháng 09/2007 đến tháng 02/2008 có 02 Công ty cùng đóng bảo hiểm xã hội là Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 và Công ty TNHH M. Do đó bà Á Như không thể rút bảo hiểm xã hội nên đề nghị Tòa án sớm đưa ra phán quyết để bà Ánh N có thể liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội để điều chỉnh và rút tiền bảo hiểm xã hội. Về giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu thì bà không yêu cầu.

Trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, Tòa án đã triệu tập hợp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH M để ghi nhận ý kiến về yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Nguyễn Thị Ánh N nhưng Công ty TNHH M vắng mặt không lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự của Thẩm phán, Thư ký phiên họp và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự, đề nghị Chủ tọa phiên họp chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Bà Nguyễn Thị Ánh N nộp đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu". Đây là yêu cầu về lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Nơi giao kết hợp đồng và thực hiện hợp đồng lao động được thực hiện tại Công ty TNHH M có địa chỉ tại Khu công nghiệp B, T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại Điều 35 và điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ

luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/06/2025, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/06/2025 thì Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Bà Nguyễn Thị Ánh N, bà Nguyễn Thị Huỳnh N1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt bà Ánh N, bà Huỳnh N1 theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Công ty TNHH M đã được Tòa án nhân dân khu vực 10 triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án mở phiên họp vắng mặt Công ty TNHH M theo quy định tại khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[4] Về yêu cầu của đương sự:

[5] Xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu của người yêu cầu:

Các đương sự đều xác định trong khoảng thời gian từ tháng 09/2007 đến tháng 02/2008 thì bà Nguyễn Thị Ánh N đang làm việc tại Công ty TNHH M1, có tham gia bảo hiểm xã hội số 0206362349. Đồng thời, trong thời gian này, bà Nguyễn Thị Huỳnh N1 sử dụng tên Nguyễn Thị Ánh N làm việc tại Công ty TNHH M và có tham gia bảo hiểm xã hội số 0206362349.

[6] Theo sự xác nhận của các đương sự thì các đương sự đều không cung cấp được Hợp đồng lao động mang tên Nguyễn Thị Ánh N do bà Nguyễn Thị Huỳnh N1 giao kết với Công ty TNHH M trong thời gian từ tháng 09/2007 đến tháng 02/2008 nhưng theo Sổ bảo hiểm xã hội số 0206362349 do bà Nguyễn Thị Ánh N cung cấp thể hiện các thông tin như sau: "*Nguyễn Thị Ánh N (sinh ngày 20/05/1987, số CMND: 301211161) có thể hiện tại Tờ số (1), (2) thông tin về quá trình đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian từ tháng 09/2007 đến tháng 02/2008 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn M"*. Như vậy, có căn cứ xác định giữa người lao động tên Nguyễn Thị Ánh N (do bà Nguyễn Thị Huỳnh N1 thực hiện) và Công ty TNHH M có giao kết hợp đồng lao động trong khoảng thời gian từ tháng 09/2007 đến tháng 02/2008 và tham gia bảo hiểm xã hội số 0206362349.

[7] Theo Sổ bảo hiểm xã hội số 0206362349 do bà Nguyễn Thị Ánh N cung cấp thể hiện các thông tin như sau: "*Nguyễn Thị Ánh N (sinh ngày 20/05/1987, số CMND: 301211161) có thể hiện tại Tờ số (1), (2) thông tin về quá trình đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian từ tháng 09/2007 đến tháng 02/2008 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn M"*.

[8] Căn cứ kết quả trả lời xác minh tại Công văn số 783/BHXH-QLT ngày 06/05/2026 của Bảo hiểm xã hội cơ sở M1, Thành phố Hồ Chí Minh xác minh về quá trình giam gia bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị Ánh N như sau:

"Căn cứ dữ liệu Bảo hiểm xã hội cơ sở M1 đang quản lý, bà Nguyễn Thị Ánh N (ngày sinh: 20/05/1987, số CCCD: 080187011327, mã số BHXH 0206362349 có tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 10/2006 đến tháng 03/2008 tại Công ty TNHH M1 quản lý.

Qua kiểm tra dữ liệu hưởng chế độ nhận thấy bà Nguyễn Thị Ánh N đã hưởng chế độ bảo hiểm xã hội 1 lần của quá trình tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 10/2006 đến tháng 03/2008 tại Công ty TNHH M1 theo Quyết định số 1455 ngày 19/01/2010 tại Bảo hiểm xã hội huyện C. Đồng thời, Công ty TNHH M1 không còn hoạt động tại địa chỉ của công ty (do đại diện pháp luật đã bỏ trốn)".

[9] Như vậy, trong thời gian từ tháng 09/2007 đến tháng 02/2008 với tên Nguyễn Thị Ánh N, sổ bảo hiểm xã hội số 0206362349 đã được 02 Công ty cùng đóng bảo hiểm xã hội là Công ty TNHH M và Công ty TNHH M1.

[10] Theo sự xác nhận của các đương sự thì lý do bị đóng trùng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội là bà Nguyễn Thị Ánh N cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N1 mượn hồ sơ cá nhân để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội.

[11] Căn cứ khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: "*Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực*".

[12] Căn cứ quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: "*Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khoẻ và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*" và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019 thì: "*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*".

[13] Căn cứ quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: "*Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền*" và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019 thì: "*Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này*".

[14] Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L thì: *"...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...*".

[15] Do đó, có cơ sở xác định việc bà Nguyễn Thị Huỳnh N1 mượn hồ sơ cá nhân của bà Nguyễn Thị Ánh N để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội số 0206362349 từ tháng 09/2007 đến tháng 02/2008 tại Công ty TNHH M là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[16] Từ những nhận định và cơ sở nêu trên, xét thấy yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ánh N về việc tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Ánh N (do bà Nguyễn Thị Huỳnh N1 thực hiện) với Công ty TNHH M trong thời gian từ tháng 09/2007 đến tháng 02/2008 (có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 09/2007 đến tháng 02/2008 theo sổ bảo hiểm xã hội số 0206362349) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[17] Về xử lý hậu quả pháp lý khi hợp đồng lao động vô hiệu:

Bà Nguyễn Thị Ánh N, bà Nguyễn Thị Huỳnh N1 đều xác nhận các bên đã chấm dứt quan hệ lao động, bà Nguyễn Thị Huỳnh N1 đã chấm dứt quan hệ lao động với Công ty TNHH M, bà Nguyễn Thị Ánh N đã hưởng chế độ bảo hiểm xã hội 1 lần của quá trình tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 10/2006 đến tháng 03/2008 tại Công ty TNHH M1. Các đương sự không yêu cầu xử lý hậu quả pháp lý khi hợp đồng lao động vô hiệu nên Tòa án không xem xét.

[18] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp nên được chấp nhận.

[19] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Ánh N phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 33; Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ánh N:

1.1. Tuyên bố Hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Ánh N (do bà Nguyễn Thị Huỳnh N1 thực hiện) với Công ty TNHH M trong thời gian từ tháng 09/2007 đến tháng 02/2008 (có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 09/2007 đến tháng 02/2008 theo sổ bảo hiểm xã hội số 0206362349) là vô hiệu.

1.2. Bà Nguyễn Thị Ánh N, bà Nguyễn Thị Huỳnh N1 được quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để xử lý các vấn đề liên quan đến việc đóng, chi trả bảo hiểm xã hội từ tháng 09/2007 đến tháng 02/2008 tại sổ Bảo hiểm xã hội số 0206362349 theo quy định của pháp luật.

2. Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Ánh N chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu; Người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

***Nơi nhận*:**
- VKSND KV10 (2);
- THADS TP.HCM (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự (1).

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

2 000026 227205

Huỳnh Văn Lưới